

Phụ lục III (Biểu số 48/CK-NSNN)
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
 (Kèm theo Quyết định số: **228** /QĐ-UBND ngày **15** / **01** /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
 Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (I+II+III)	17.706.050	15.892.350
I	THU NỘI ĐỊA		
*	THU NỘI ĐỊA KHÔNG BAO GỒM TIỀN SDD, XSKT	17.558.050	15.892.350
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	11.068.050	10.315.850
	Thuế GTGT	1.120.000	1.120.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	679.000	679.000
	Thuế TNDN	-	-
	Thuế tài nguyên	141.000	141.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	300.000	300.000
	Thuế GTGT	190.000	190.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	81.000	81.000
	Thuế TNDN	49.000	49.000
	Thuế tài nguyên	60.000	60.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-
	Thuế GTGT	435.000	435.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	276.400	276.400
	Thuế TNDN	130	130
	Thuế tài nguyên	158.200	158.200
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	270	270
	Thuế GTGT	4.830.000	4.830.000
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.011.000	3.011.000
	Thuế TNDN	744.000	744.000
	Thuế tài nguyên	755.000	755.000
5	Lệ phí trước bạ	320.000	320.000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.080.000	1.080.000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	42.800	42.800
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.280.050	1.280.050
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu	840.000	504.000
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	336.000	-
10	Phí, lệ phí	504.000	504.000
	Bao gồm: - Phí, lệ phí trung ương	280.000	200.000
	- Phí, lệ phí địa phương	80.000	-
11	Tiền sử dụng đất	200.000	200.000
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý	6.090.000	5.176.500
	- Thu do cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	-	-
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	-	-
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển	300.000	255.000
14	Thu từ bán tài sản nhà nước	150	150
		-	-

15	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	1.050	1.050
16	Thu khác ngân sách	500.000	220.000
	Trong đó:	-	-
	- Thu khác ngân sách trung ương	280.000	-
	Trong đó: +Thu phạt ATGT	150.000	-
	+Phạt do ngành thuế phạt	50.000	-
	+Thu khác còn lại	80.000	-
	- Thu khác ngân sách địa phương	220.000	220.000
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	107.000	95.800
	- Cơ quan trung ương cấp	16.000	4.800
	- Cơ quan địa phương cấp	91.000	91.000
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	37.000	37.000
19	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)	24.000	24.000
20	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	400.000	400.000
II	THU TỪ DẦU THÔ	-	-
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	148.000	-